2 Cấu trúc câu

Ngoài yếu tố từ vựng, cách một câu được xây dựng cũng có ảnh hưởng lớn đến việc đọc hiểu. Bài học này sẽ phân tích những cấu trúc câu thường gây khó khăn cho việc đọc hiểu nội dung của câu văn, bao gồm:

- Mệnh đề quan hệ & Mệnh đề quan hệ rút gọn
- Mệnh đề danh ngữ
- Cụm danh động từ
- Mệnh đề trạng ngữ

1. Cấu trúc cơ bản của một câu

Trong tiếng Anh, một câu có thể rất đơn giản:

Ví dụ: The sun rises (1)

Nhưng cũng có thể rất phức tạp:

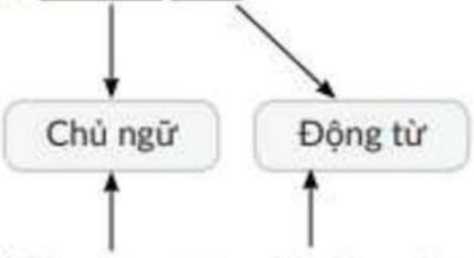
Ví dụ: The government is investing heavily in education, which promises a wide range of innovations in this sector in the future. (2)

Tuy nhiên, tất cả các câu trong tiếng Anh (ngoại từ những câu cảm thán và những câu đảo ngữ) đều được cấu thành bởi 2 thành phần quan trọng nhất:

S (chủ ngữ) + V (động từ)

Ví dụ

(1): **The sun** **rises**



(2) **The government** **is** investing heavily in education, which promises a wide range of innovations in this sector in the future.

LIVEWORKSHEETS

Với câu (1), thành phần của câu chỉ gồm chủ ngữ và động từ nên thí sinh thường không gặp vấn đề gì trong việc đọc hiểu, tuy nhiên những câu phức như câu số 2 đòi hỏi người đọc cần phải nắm chắc kiến thức về cách hình thành câu phức.

Trong quá trình đọc hiểu một câu, quan trọng nhất là việc xác định được đâu là động từ và động từ đó miêu tả hành động cho chủ thể nào. Tuy vậy, khi đọc các bài đọc mang tính học thuật, việc thực hiện xác định chính xác chủ ngữ và động từ đôi khi sẽ gây cho người đọc rất nhiều khó khăn, chủ yếu đến từ các cấu trúc ngữ pháp sau:

2. Mệnh đề quan hệ

a. Mệnh đề quan hệ

Mệnh đề quan hệ là mệnh đề dùng để giải thích rõ hơn cho **danh từ hoặc cả một mệnh đề đứng trước nó**. Mệnh đề quan hệ thường bắt đầu bằng các đại từ quan hệ như:

Which	• làm chủ ngữ/tân ngữ • đại diện cho danh từ chỉ vật, con vật **Ví dụ:** • *The measure which has been implemented by the government is very effective* • *The measure which the government has implemented is very effective*
Who	• làm chủ ngữ/tân ngữ • đại diện cho danh từ chỉ người **Ví dụ:** • *I often admired people who dare to think out of the box.* • *The person who he admires the most is Will Smith.*
Whom	• làm tân ngữ • đại diện cho danh từ chỉ người **Ví dụ:** • *The person whom everyone is talking about is extremely talented.*

LIVEWORKSHEETS

Whose	• đứng trước danh từ • chỉ sở hữu cho người hoặc vật **Ví dụ:** • *People whose businesses have never been successful should put more effort in improving their products' quality*
That	• làm tân ngữ hoặc chủ ngữ • đại diện cho danh từ chỉ người hoặc vật **Ví dụ:** • *The governemt is taking drastic measures against the problem of traffic jam that is very concerning in many cities*

• Mệnh đề quan hệ giải thích cho danh từ đứng trước:

Traffic congestion **which is a great concern in many countries** is mainly caused by the use of private vehicles.

↓

Mệnh đề quan hệ, *which = traffic congestion*

• Mệnh đề quan hệ giải thích cho mệnh đề trước đó:

All schools in Vietnam were closed during the pandemic of Covid-19, **which helped to ensure the safety of students.**

↓

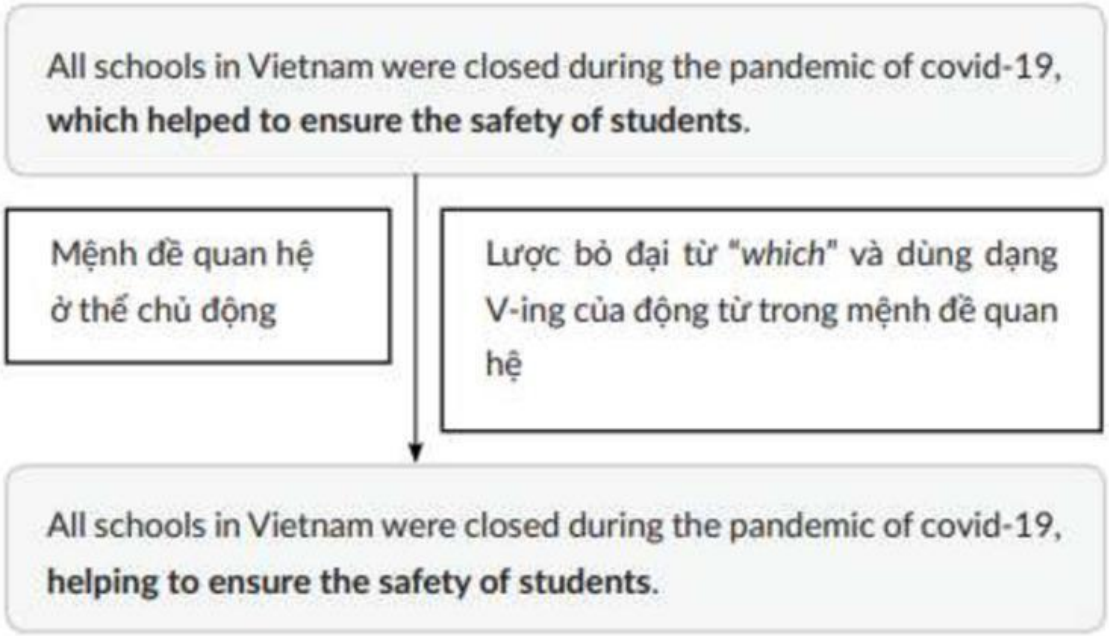
Mệnh đề quan hệ, *which = All schools in Vietnam were closed during the pandemic of Covid-19*

b. Mệnh đề quan hệ rút gọn

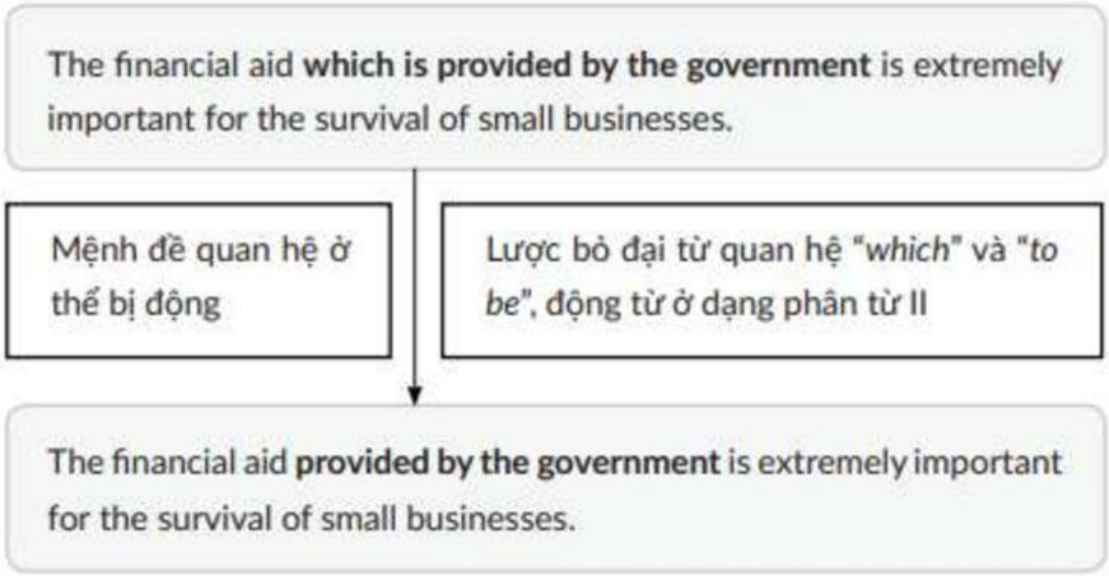
Để cấu trúc câu ngắn gọn hơn, đôi khi người viết sẽ rút gọn mệnh đề quan hệ:

Ví dụ 1

LIVEWORKSHEETS



Ví dụ 2



3. Mệnh đề danh ngữ

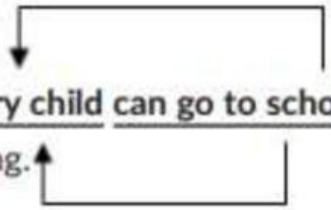
Mệnh đề danh ngữ có thể hiểu như một cụm chủ vị ở bên trong một cụm danh từ:



LIVEWORKSHEETS

Ở đây, cụm danh từ *"That every child can go to school"* có chứa một cụm chủ - vị, nó được gọi là **mệnh đề danh ngữ**. Mệnh đề danh ngữ có thể đóng vai trò là chủ ngữ, tân ngữ hay bổ nghĩa trong câu.

Trong ví dụ trên, động từ chính là động từ *"is"*, bổ nghĩa cho toàn bộ *"That every child can go to school"*. Động từ phụ là *"can go to school"*, bổ nghĩa cho *"every child"*.



That every child can go to school is important: Việc mỗi đứa trẻ đều được tới trường là quan trọng.

Trong quá trình làm bài, việc xác định rõ mệnh đề danh ngữ, động từ, chủ thể của động từ, khách thể của động từ giúp tăng tốc độ làm bài.

Cấu trúc một mệnh đề danh ngữ:

ĐẠI TỪ + MỆNH ĐỀ

Đại từ	Nghĩa	Ví dụ
That	Việc, sự thật là ...	**That the government provides funding now** is very important: Việc nhà nước hỗ trợ tài chính bây giờ là rất quan trọng.
What	Thứ mà ...	**What the criminal did** was unacceptable: Thứ mà tên tội phạm đã làm là không thể chấp nhận được.
Who	Người mà...	The students were not informed about **who they should meet**: Những học sinh không được thông báo về người mà họ nên gặp.
When	Khi mà ...	Most students did not know **when cars were invented**: Hầu hết học sinh không biết khi nào mà xe ô tô được sáng chế.

LIVEWORKSHEETS

Where	Nơi mà ...	**Where the accident happened** remains unknown: Nơi mà xảy ra tai nạn vẫn chưa được biết tới.
Whether	Liệu rằng ...	People are confused about **whether they can come or not**: Mọi người cảm thấy bối rối về việc liệu rằng họ có thể tới hay không.
Whoever/ Whatever	Bất kì ai/ bất kì điều gì	The victim believed **whatever the thief said**: Nạn nhân tin bất cứ thứ gì tên trộm nói.

4. Cụm danh động từ:

Cụm danh động từ có thể hiểu là một cụm từ bắt đầu bằng động từ dạng V-ing và đi cùng với tân ngữ, trạng từ hoặc các từ bổ nghĩa khác.

Ví dụ

Cụm danh động từ = cụm danh từ ═══ Chủ ngữ

Working extra hours can have detrimental effects on one's health: Làm việc quá giờ có thể gây hại sức khoẻ.

Một cụm danh động từ đóng vai trò như một cụm danh từ, do vậy có thể trở thành chủ ngữ, tân ngữ hay bổ ngữ trong câu.

Ví dụ

- Cụm danh động từ làm tân ngữ:

Many people considered **moving away from the city**: Rất nhiều người có ý định đi khỏi thành phố .

Tân ngữ

- Cụm danh động từ làm bổ ngữ:

Their favorite activity was **doing yoga**: Hoạt động ưa thích của họ là tập yoga.

Tân ngữ

Việc tìm được động từ chính trong câu cũng như xác định được rõ chức năng của cụm danh động từ sẽ hạn chế khả năng hiểu sai nghĩa câu, gây khó khăn trong lúc làm bài đọc.

LIVEWORKSHEETS

5. Mệnh đề trạng ngữ

Trong một câu có hai mệnh đề được nối với nhau bằng một liên từ phụ thuộc như because, before, after.... thì mệnh đề được bắt đầu bằng những liên từ này được gọi là mệnh đề trạng ngữ.

Ví dụ

After clothes are washed carefully in a washing machine, they are taken out and hung in the open air.

↓

Mệnh đề trạng ngữ

Tuy nhiên, **khi hai mệnh đề trong câu có chung một đối tượng làm chủ ngữ,** để tránh lặp từ và khiến câu ngắn gọn hơn, người viết có thể rút gọn mệnh đề trạng ngữ.

Ví dụ 1

After clothes are washed carefully in a washing machine, they are taken out and hung in the open air.

Mệnh đề trạng ngữ ở thể bị động

Lược bỏ chủ ngữ *"clothes"* trong mệnh đề trạng ngữ, động từ *"to be"* chuyển thành *"being"*

After being washed carefully in a washing machine, they (clothes) are taken out and hung in the open air

Ví dụ 2

They carried out research on air pollution **while they work in Hanoi**

Mệnh đề trạng ngữ ở thể chủ động

Lược bỏ chủ ngữ "they" trong mệnh đề trạng ngữ, dùng dạng V-ing của động từ trong mệnh đề trạng ngữ

They carried out research on air pollution **while working in Hanoi**

LIVEWORKSHEETS

Luyện tập

Bài 1: *Đọc các câu dưới đây và trả lời câu hỏi đi kèm.*

1. Many wild animals which inhabit in the tropical forests of Vietnam are taken to the national wildlife conservation center.

• *Chủ thể của "**are taken to the national wildlife conservation center**" là:*.....

2. Business owners that know how to motivate their staff can lead their organizations through disturbing times.

• *Chủ thể của "**can lead their organizations through disturbing times**" là:*.....

3. There are many people who fear that AI technology will remove human workers from their jobs.

• *Chủ thể của "**remove human workers from their jobs**" là:* .....

4. The pollutants released from transportation vehicles, especially airplanes, are widely recognized as a major contributor to environmental pollution.

• *Chủ thể của "**are widely recognized as a major contributor to environmental pollution**" là:* ..

.....

5. Many workers losing their jobs due to the global lockdown that is negatively affecting almost all businesses are receiving financial support from both the government and private entities.

• *Chủ thể của "**are receiving financial support from both the government and private entities**" là:* .....

6. Research institutes have to agree upon the terms and conditions dictated by the companies that pay them and act accordingly.

• *Chủ thể của "**dictated by the companies that pay them**" là:* .....

• *Chủ thể của "**act accordingly**" là:* .....

7. Throughout history, we have had to cope with countless consequences of environmental damage, some of which even threatened the survival of whole communities.

• *Chủ thể của "**threatened the survival of whole communities**" là:*

LIVEWORKSHEETS

8. Art imparts wisdom, conveys important moral and cultural values and communicates meaningful messages, all of which contribute to shaping a person's character and individuality.

• *Chủ thể của "**contribute to shaping a person's character and individuality**" là:* .....

.....

9. Fossils of many ancient species of animals wiped out due to a gradual shift in climate and changing sea levels are being discovered by scientists.

• *Chủ thể của "**wiped out due to a gradual shift in climate and changing sea levels**" là:*

.....

• *Chủ thể của "**are being discovered by scientists**" là:* .....

10. Industrial activities have been devastating the natural habitats of wildlife and disturbing the food chain, causing the mass extinction of countless species.

• *Chủ thể của "**causing the mass extinction of countless species**" là:* .....

11. Many states in the U.S offer tax breaks and incentives for businesses using renewable energy, and some firms are even allowed to purchase green energy that comes at cheaper prices than traditional fossil fuels.

• *Chủ thể của "**using renewable energy**" là:* .....

12. Being drained of resources, corporations investing in the tourism industry are facing financial difficulties or even possibilities of bankruptcy due to the severe impacts that the coronavirus has on the economy.

• *Chủ thể của "**Being drained of resources**" là:* .....

13. Social networking websites can become a toxic environment where users can be verbally assaulted because there are only a few rules, most of which are spoken rules rather than established guidelines, that restrict hateful or abusive contents.

• *Chủ thể của "**restrict hateful or abusive contents**" là:* .....

• *Mệnh đề "**where users can be verbally assaulted**" bổ sung ý nghĩa cho:* .....

• *Trong mệnh đề "**most of which are spoken rules rather than established guidelines**", đại từ quan hệ "**which**" dùng để thay cho:* .....

LIVEWORKSHEETS

14. Products made from plastic can remain as wastes for thousands of years, turning our planet into a huge landfill and posing a threat to the living habitats of all creatures.

- *Mệnh đề "**Products made from plastic**" viết đầy đủ sẽ là:* .....
- *Chủ thể của "**can remain as wastes for thousands of years**" là:* .....

.....

- *Chủ thể của "**posing a threat to the living habitats of all creatures**" là:* .....

15. Knowing there might be a chance of getting caught and condemned to jail, which also means losing freedom and leading a miserable life in a cell, those having the intention of committing crime would reconsider going down the path.

- *Chủ thể của "**Knowing there might be a chance of getting caught and condemned to jail**" là:*

.....

- *Chủ thể của "**would reconsider going down the path**" là:* .....

Bài 2: *Xác định mệnh đề danh ngữ và dịch các câu sau sang tiếng Việt.*

1. People choose to live in a particular place because of what it offers inside, not because of what it looks like on the outside.

.....

.....

2. "The Goldfinch", which narrates a story about the miserable life of the main character after the unfortunate death of his mother makes us wonder whether we have become heartless toward our own loved ones.

.....

.....

3. Tourists often litter wherever they go and do not bother to clean it afterwards.

.....

.....

4. Whoever trespassed the land shall be severely punished by the king.

.....

.....

5. In the 1500s, very few people knew about the accident or why it happened.

.....

LIVEWORKSHEETS

.....

6. When the sun sets is important to nocturnal animals as they sleep during the day and become active at night.

.....

.....

7. All sports offer great benefits for people's mental and physical health, and they should choose whatever they are most interested in playing.

.....

.....

8. Governments should do what they can to encourage city residents to move to regional areas.

.....

.....

9. People will not have to show up at a fixed hour to have meals with their family and can eat whatever and whenever they want.

.....

.....

10. That is why recruiters place higher value on employees holding formal academic qualifications.

.....

.....

Bài 3: *Xác định động từ chính và các cụm danh động từ trong các câu sau đây.*

1. Therefore, by focusing on the functionality of a design, architects can bring out the best use of a construction.

2. Through learning literature of their mother tongue, students can learn the art of using the language such as the flexibility in the vocabulary use or the syntax of sentences.

3. Studying foreign literature is also advantageous for several reasons.

4. Having access to foreign historical events and cultures, commentaries on politics, society from countries abroad will foster students' awareness of the diversity of the world.

5. By going to museums and galleries, people will gain a deeper understanding of their nation, along with the golden ages and hard times of their country.

LIVEWORKSHEETS

6. Many people oppose investing in cultural activities because there are more serious issues to address.

7. Living a life without love is not a life worth living.

Bài 4: *Đọc các câu khẳng định dưới đây và trả lời câu hỏi đi kèm.*

1. After investing money in education in far-flung areas, the government continued making improvements in healthcare.

• *Chủ thể của động từ "**investing**" là: .....*

2. Many students nowadays have the habit of chatting with their friends on their phones while attending a class, which has a detrimental effect on their study.

• *Chủ thể của động từ "**attending**" là: .....*

3. Losing homes to live, many wild animals are pushed to the edge of extinction.

• *Chủ thể của động từ "**losing**" là: .....*

4. The farmers decided to hold a party, satisfied with the high yields of their crops.

• *Tại sao những người nông dân lại quyết định tổ chức một bữa tiệc?.....*

.....

5. Though beneficial to some extent, online learning still has several drawbacks and needs to be used with caution.

• *Chủ thể của tính từ "**beneficial**" là: .....*

6. The authority should take environmental well-being into consideration before starting any projects in boosting tourism.

• *Chủ thể của động từ "**starting**" là: .....*

7. Opening the door to international tourism, many countries are now paying heavy environmental costs.

• *Chủ thể của động từ "**opening**" là: .....*

8. Though an essential sector tightly linked to human well-being, healthcare is not given enough attention in many nations.

• *Cụm "**an essential sectior tightly linked to human well-being**" ý chỉ đối tượng nào?*

.....

LIVEWORKSHEETS

LIVEWORKSHEETS